

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 24/7/2024
V/v tranh chấp dân sự, vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thuận và ông Phạm Thế Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST-DS ngày 27/6/2024; giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1963, địa chỉ: số 534, tổ 13, khóm A, phường L, thị xã D, tỉnh An Giang;

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1967, địa chỉ: số 257/3, tổ 8, khóm L, phường Y, thị xã D, tỉnh An Giang.

Bà L và bà A, đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Do chỗ quen biết, bà L có cho bà Nguyễn Ngọc A vay các lần tiền, cụ thể: Lần thứ nhất (lần đầu), vào ngày 04/9 âl/2016 (ngày 04/10/2016), vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng; ngày 04/10âl/2016 (ngày 03/11/2016) bà A vay thêm số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Tổng cộng 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận

2%/tháng. Đến ngày 04/9/2018 (ngày 12/01/2018), bà A vay thêm số tiền vốn 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; tổng cộng vốn vay là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng/600.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay, có làm biên nhận, không thế chấp tài sản bảo đảm. Mục đích vay nuôi cá bè do bà A làm chủ. Sau khi vay, bà A trả lãi đến năm 2021 được số tiền 216.000.000 đồng, ngưng trả lãi, chưa trả vốn gốc.

Bà L yêu cầu bà Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm trả số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản photo biên nhận ngày 04/9/2018.

Biên bản lời khai ngày 14/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Ngọc A trình bày:

Bà A có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thanh L như sau: Ngày 04/9/2016 (ngày 04/10/2016), bà A vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng; ngày 04/10/2016 (ngày 03/11/2016) bà A vay thêm số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Tổng cộng 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Đến ngày 04/9/2018 (ngày 12/01/2018), bà A vay thêm số tiền vốn 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, Bà A và bà L chốt thống nhất vốn vay là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng/600.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay, có làm biên nhận nợ ngày 04/9/2018, mục đích vay nuôi cá bè. Sau khi vay, bà A có trả lãi cho bà L 12.000.000 đồng/600.000.000 đồng/tháng, đến năm 2021 thì ngưng; nhưng không nhớ số tiền lãi đã trả và trả bao nhiêu, tiền vốn chưa trả. Bà A thống nhất còn nợ của bà L tiền vốn 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, bà A đồng ý trả số tiền này nhưng do hiện nay nuôi cá bè bị lỗ, hoàn cảnh khó khăn nên xin gia hạn khi nào bán được cá thì sẽ trả nợ cho bà L, xin không tính lãi suất.

Tại phiên hòa giải, Bà L và bà A thống nhất vốn gốc còn nợ 600.000.000 đồng, nhưng không thống nhất phương thức thanh toán.

Tại phiên tòa, bà L cung cấp bản chính biên nhận nợ ngày 04/9/2018, bà A được xem bản chính biên nhận nợ và xác định đúng chữ ký tên của bà A. Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Bà L yêu cầu bà A trả vốn vay dứt điểm, không yêu cầu tính lãi suất; bà A thừa nhận còn nợ bà L vốn vay 600.000.000 đồng, hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin trả 1.500.000 đồng/tháng.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L; Buộc bà Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu) đồng. Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh L khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản với bà Nguyễn Ngọc A, bà A cư trú tại khóm L, phường Y, thị xã D, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý giải quyết.

** Về nội dung:*

[1] Hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị Thanh L và bà Nguyễn Ngọc A được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2] Về vốn vay và lãi:

- Về vốn vay:

Biên bản lời khai ngày 14/5/2024, biên bản hòa giải, tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc A khai nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thanh L nhiều lần, cụ thể: Ngày 04/9 năm 2016 (ngày 04/10/2016), vay 300.000.000 đồng; ngày 04/10 năm 2016 (ngày 03/11/2016) vay 200.000.000 đồng; ngày 04/9/2018, vay 100.000.000 đồng. Tổng cộng 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, lãi suất 2%/tháng, không thời hạn, biên nhận nợ ngày 04/9/2018 (bản chính) đúng chữ ký tên của bà A, mục đích vay nuôi cá bè. Từ khi vay tiền cho đến nay chưa trả vốn. Do đó, bà L khai, bà A có vay nhiều lần tiền và còn nợ vốn vay 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng là hoàn toàn có cơ sở, chấp nhận.

Buộc Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Tiền lãi:

Bà L khai, bà A có trả lãi đến năm 2021 thì ngưng trả, số tiền lãi 216.000.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi suất. Bà A khai, sau khi vay, có trả lãi cho bà L 12.000.000 đồng/tháng, đến năm 2021 thì ngưng, nhưng không nhớ thời gian và tiền lãi đã trả, đồng ý trả vốn, không tính lãi suất.

Xét thấy, với thỏa thuận của các bên lãi suất cho vay và vay là 2%/tháng (24%/năm). Bà L khai, bà đã nhận tiền lãi của bà A được 216.000.000 đồng, bà A khai không nhớ đã đóng lãi bao nhiêu.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Nếu điều chỉnh lãi suất đến ngày xét xử, tổng tiền lãi điều chỉnh cao hơn so với bà L nhận. Đồng thời, các bên không yêu cầu điều chỉnh lãi suất, Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh lãi suất như quan điểm Viện kiểm sát.

[3] Về phương thức thanh toán:

Bà A xin trả 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên không chấp nhận. Tuy nhiên, phương thức thanh toán sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Ngọc A phải chịu 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thanh L, là người cao tuổi và có đơn nên thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L;

Buộc bà Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc A phải chịu 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thanh L, là người cao tuổi và có đơn thuộc trường hợp miễn tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L, bà A có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết